

Số: 02 /2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập”;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Đề án số 09/ĐA-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố: trường mầm non; trường tiểu học; trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trung tâm giáo dục thường xuyên; (sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập).

b. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Cơ sở giáo dục công lập chỉ được thực hiện thu đối với danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và đào tạo được quy định tại Nghị quyết này.

2. Việc sử dụng dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục phải được thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của học sinh và gia đình với nhà trường.

3. Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa không vượt quá mức trần học phí được quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

4. Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh; bảo đảm nguyên tắc thu, chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Danh mục các khoản thu và mức thu

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
1	Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục					
1.1	Tiền ăn (đã bao gồm cả chất đốt)	1000 đồng/ HS (trẻ)/ ngày	30	30	35	không

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (<i>mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân</i>)					
a	Đối với (trẻ) học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	1000 đồng/HS (trẻ)/năm	360	360	360	không
b	Các năm học tiếp theo	1000 đồng/HS (trẻ)/năm	200	200	200	không
2	Chăm sóc bán trú					
2.1	Hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý	1000 đồng/HS (trẻ)/tháng	150	150	150	không
2.2	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (<i>đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh, trẻ em có nhu cầu tối đa không quá 03 giờ/ngày</i>)	1000đồng/HS (trẻ)/giờ	10	10	không	không
2.3	Ngày thứ 7 cho trẻ mầm non (<i>cha mẹ trẻ em có nhu cầu</i>)	1000 đồng/trẻ/ngày	50	không	không	không
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (<i>hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước</i>)	1000 đồng/HS/tháng	không	30	không	không
4	Học thêm (<i>cha mẹ trẻ em có nhu cầu</i>)					
4.1	Học thêm toán tư duy, tin học, kỹ năng sống					
	Quận	1000 đồng/tiết/HS	không	12	12	12
	Huyện	1000 đồng/tiết/HS	không	10	10	10
4.2	Học thêm tiếng nước ngoài					
a	Giáo viên người Việt Nam					
	Quận	1000 đồng/tiết/HS (trẻ)	20	12	12	12
	Huyện	1000 đồng/tiết/HS (trẻ)	20	10	10	10

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở; giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Trung học phổ thông; giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
<i>b</i>	Giáo viên người nước ngoài					
	Quận	1000 đồng/tiết/HS (trẻ)	40	40	40	40
	Huyện	1000 đồng/tiết/HS (trẻ)	35	35	35	35
4.3	Học thêm các môn văn hoá (<i>bổ trí không quá 45 học sinh/lớp</i>)					
	Quận	1000 đồng/tiết/HS	không	không	12	12
	Huyện	1000 đồng/tiết/HS	không	không	10	10
5	Học nghề phổ thông	1000 đồng/tháng/HS	không	không	30	không
6	Thi nghề phổ thông	1000 đồng/đợt/năm/HS	không	không	100	không
7	Nước uống cho học sinh	1000 đồng/tháng/HS	không	10	10	10
8	Trông xe					
	Xe đạp	1000 đồng/tháng/xe	không	30	30	30
	Xe máy, xe điện	1000 đồng/tháng/xe	không	50	50	50

Điều 4. Cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích; mang tính chất phục vụ. Không nhất thiết thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết.

2. Thực hiện việc thu, chi bảo đảm công khai theo đúng quy định tại Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Quy chế dân chủ cơ sở.

3. Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Bảo đảm nguyên tắc thu, chi, không được điều chuyển từ khoản thu này sang

khoản thu khác. Cuối năm học chỉ không hết phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu cha mẹ học sinh đồng ý.

4. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: GD và ĐT, TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế các Bộ: GD và ĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu VT, HSKH.



Phạm Văn Lập